

NGHỊ ĐỊNH THƯ ASEAN VỀ TĂNG CƯỜNG CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Chính phủ Brunei Darussalam, Vương quốc Campuchia, Cộng hòa Indonesia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, Malaysia, Liên bang Myanmar, Cộng hòa Philippines, Cộng hòa Singapore, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các nước thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (sau đây gọi chung là “ASEAN” hay “các nước thành viên” hoặc gọi riêng là “nước thành viên”);

NHẮC LẠI Hiệp định khung về Tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN ký tại Singapore ngày 28 tháng 1 năm 1992, được sửa đổi bởi Nghị định thư sửa đổi Hiệp định Hiệp định khung về Tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN ký tại Bangkok ngày 15 tháng 12 năm 1995 (“Hiệp định”) và Nghị định thư về Cơ chế giải quyết tranh chấp ký tại Manila vào ngày 20 tháng 11 năm 1996 (“Nghị định thư 1996 về DSM”);

NHẮC LẠI Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN tổ chức tại Bali vào ngày 7-8 tháng 10 năm 2003 đã quyết định tăng cường tổ chức ASEAN, trong đó có việc nâng cao hiệu lực của Cơ chế giải quyết tranh chấp ASEAN, như được nêu trong Thỏa ước Bali II;

MONG MUỐN thay thế Nghị định thư 1996 về DSM bằng Nghị định thư về tăng cường cơ chế giải quyết tranh chấp ASEAN (dưới đây gọi là “Nghị định thư”);

ĐÃ THỎA THUẬN NHỮNG NỘI DUNG SAU:

Điều 1

Phạm vi áp dụng

1. Các quy định và thủ tục của Nghị định thư này được áp dụng đối với các tranh chấp phát sinh theo các quy định về tham vấn và giải quyết tranh chấp của Hiệp định cũng như các hiệp định được nêu tại Phụ lục I và các hiệp định kinh tế ASEAN trong tương lai (“các hiệp định liên quan”).
2. Các quy định và thủ tục của Nghị định thư này được áp dụng phù hợp với các quy định và thủ tục về giải quyết tranh chấp chuyên biệt hoặc bổ sung khác trong các hiệp định liên quan. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa các quy định và thủ tục của Nghị định thư này với các quy định và thủ tục chuyên biệt hoặc bổ sung trong các hiệp định liên quan đó thì ưu tiên áp dụng các quy định chuyên biệt hoặc bổ sung đó.
3. Các quy định của Nghị định thư này không hạn chế việc các nước thành viên sử dụng các diễn đàn khác để giải quyết các tranh chấp liên quan đến các nước thành viên khác. Nước thành viên có tranh chấp có thể sử dụng các diễn đàn giải quyết tranh chấp khác ở bất cứ giai đoạn nào trước khi

một bên yêu cầu Hội nghị quan chức kinh tế cấp cao (SEOM) thành lập Ban Hội thẩm theo quy định tại đoạn 1 Điều 5 của Nghị định thư này.

Điều 2

Giám sát thi hành

1. SEOM sẽ giám sát việc thi hành Nghị định thư này và các quy định về tham vấn và giải quyết tranh chấp của các hiệp định liên quan, trừ khi có quy định khác trong hiệp định liên quan đó. Theo đó, SEOM có quyền thành lập Ban Hội thẩm, thông qua báo cáo của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm, giám sát việc thi hành các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm đã được SEOM thông qua và cho phép tạm ngừng ưu đãi và các nghĩa vụ khác theo các hiệp định liên quan.
2. Các bên sẽ thông báo cho SEOM và các cơ quan có liên quan khác của ASEAN biết về các giải pháp mà các bên đã nhất trí đối với các tranh chấp được chính thức nêu ra theo các quy định về tham vấn và giải quyết tranh chấp trong các hiệp định liên quan.

Điều 3

Tham vấn

1. Các nước thành viên phải tạo cơ hội thỏa đáng cho việc tiến hành tham vấn đối với mọi ý kiến phản đối của các nước thành viên khác về bất cứ vấn đề nào ảnh hưởng đến việc thực hiện, giải thích hoặc áp dụng Hiệp định hoặc hiệp định liên quan. Trong chừng mực có thể, mọi sự bất đồng sẽ phải được giải quyết trên cơ sở thiện chí giữa các nước thành viên.
2. Nước thành viên nào mà cho là bất kỳ lợi ích trực tiếp hoặc gián tiếp nào của mình theo Hiệp định hoặc hiệp định liên quan bị mất mát hoặc tổn hại, hoặc việc đạt được bất cứ mục tiêu nào của Hiệp định hoặc hiệp định liên quan đang bị cản trở do việc nước thành viên khác không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hiệp định hoặc hiệp định liên quan, hoặc trong mọi tình huống khác, có thể nêu ý kiến phản đối hoặc đề xuất với nước thành viên có liên quan nhằm mục tiêu giải quyết thỏa đáng vấn đề. Nước thành viên có liên quan sẽ phải có sự xem xét thỏa đáng ý kiến phản đối hoặc đề xuất được gửi cho mình.
3. Mọi yêu cầu tham vấn như quy định ở trên đều phải được thông báo cho SEOM. Yêu cầu tham vấn phải được làm bằng văn bản nêu rõ lý do yêu cầu tham vấn, xác định các vấn đề cần tham vấn và cơ sở pháp lý của khiếu nại.
4. Trong trường hợp có yêu cầu tham vấn, nước thành viên được yêu cầu tham vấn phải trả lời yêu cầu trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu đó và phải tiến hành tham vấn trong vòng ba mươi (30)

ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn nhằm đạt được giải pháp thỏa đáng cho cả hai bên.

5. Trong trường hợp khẩn cấp, bao gồm các trường hợp có liên quan đến hàng hóa dễ hư hỏng, các bên, Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm phải nỗ lực tối đa để giải quyết sớm các tranh chấp.

Điều 4 **Trung gian hòa giải**

1. Các nước thành viên là các bên tranh chấp có thể đồng ý tiến hành trung gian hòa giải hoặc dàn xếp ở bất cứ thời điểm nào. Quá trình trung gian hòa giải có thể bắt đầu bất cứ lúc nào và chấm dứt vào bất cứ thời điểm nào. Khi thủ tục hòa giải hoặc dàn xếp chấm dứt, bên khiếu nại có quyền yêu cầu SEOM thành lập Ban Hội thẩm.
2. Nếu các bên trong tranh chấp đồng ý, quá trình trung gian hòa giải có thể tiến hành song song với quá trình xem xét của Ban Hội thẩm.
3. Tổng Thư ký ASEAN, trong quyền hạn đương nhiên của mình, có thể tiến hành trung gian hòa giải nhằm giúp các nước thành viên giải quyết tranh chấp.

Điều 5 **Thành lập Ban Hội thẩm**

1. Nếu nước thành viên được yêu cầu tham vấn không trả lời yêu cầu trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, hoặc không tiến hành tham vấn trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, hoặc nếu tham vấn không giải quyết được tranh chấp trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu tham vấn, tranh chấp sẽ được đưa lên SEOM nếu bên khiếu nại đề nghị thành lập Ban Hội thẩm. Ban Hội thẩm sẽ được SEOM thành lập, trừ phi SEOM đồng thuận quyết định không thành lập Ban Hội thẩm.
2. Ban Hội thẩm sẽ được thành lập tại cuộc họp SEOM được tổ chức ngay sau khi nhận được yêu cầu thành lập Ban Hội thẩm; yêu cầu đó phải được đưa vào chương trình nghị sự của cuộc họp SEOM này. Trong trường hợp trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thành lập Ban Hội thẩm không có cuộc họp SEOM nào được lên kế hoạch hay dự kiến được tổ chức, việc thành lập Ban Hội thẩm hoặc quyết định không thành lập Ban Hội thẩm sẽ được thực hiện hoặc quyết định, tùy từng trường hợp cụ thể, bằng cách gửi văn bản lấy ý kiến các nước thành viên. Việc không trả lời văn bản lấy ý kiến sẽ được coi là sự nhất trí đối với yêu cầu thành lập Ban Hội thẩm. Vấn đề thành lập Ban Hội thẩm sẽ được giải quyết trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày, dù tại cuộc họp SEOM hay bằng cách gửi văn bản lấy ý kiến.

3. Yêu cầu thành lập Ban Hội thẩm phải được lập thành văn bản. Văn bản yêu cầu thành lập Ban Hội thẩm phải nêu rõ kết quả tham vấn, xác định biện pháp cụ thể gây tranh chấp và tóm tắt cơ sở pháp lý cho khiếu nại đủ để trình bày rõ vụ việc. Nếu bên khiếu nại yêu cầu thành lập Ban Hội thẩm với quy chế làm việc khác với Quy chế làm việc chuẩn, văn bản yêu cầu thành lập Ban Hội thẩm phải bao gồm các nội dung dự thảo của Quy chế làm việc đặc biệt đó.

Điều 6

Quy chế làm việc của Ban Hội thẩm

1. Trừ phi các bên tranh chấp có thỏa thuận khác trước khi thành lập Ban Hội thẩm, Ban Hội thẩm sẽ có quy chế làm việc như sau:

“Điều tra theo các điều khoản liên quan của (tên hiệp định liên quan được các bên trong tranh chấp trích dẫn), đối với vấn đề mà (tên của bên tranh chấp) đưa lên SEOM tại (văn bản)... và đưa ra các kết luận nhằm hỗ trợ SEOM trong việc thông qua báo cáo của Ban Hội thẩm hoặc quyết định không thông qua báo cáo này”.

3. Ban Hội thẩm sẽ xem xét các điều khoản liên quan của hiệp định liên quan mà các bên tranh chấp trích dẫn.
4. Mặc dù có các quy định tại Khoản 1 Điều này, trong việc thành lập Ban Hội thẩm, SEOM có thể ủy quyền cho Chủ tịch SEOM soạn thảo quy chế làm việc của Ban Hội thẩm với sự tham gia ý kiến của các bên trong tranh chấp. Quy chế làm việc do Chủ tịch SEOM soạn thảo sẽ được gửi tới tất cả các nước thành viên. Nếu quy chế làm việc khác với quy chế làm việc chuẩn được sử dụng thì mọi nước thành viên đều có thể nêu ra bất kỳ vấn đề nào có liên quan đến quy chế làm việc đó lên SEOM vào thời điểm thành lập Ban Hội thẩm.

Điều 7

Chức năng của Ban Hội thẩm

Chức năng của Ban Hội thẩm là đánh giá một cách khách quan tranh chấp được Ban Hội thẩm xem xét (bao gồm cả việc xem xét các tình tiết liên quan đến vụ việc, việc áp dụng và tuân thủ các điều khoản của Hiệp định hoặc bất kỳ hiệp định liên quan nào) và đưa ra kết luận và khuyến nghị liên quan đến vụ việc.

Điều 8

Thủ tục điều tra, xem xét và kết luận của Ban Hội thẩm

1. Ngoại trừ những quy định ở Phụ lục II, Ban Hội thẩm sẽ tự quy định thủ tục làm việc riêng liên quan tới quyền của các bên tham gia điều trần và quá trình xem xét của mình.
2. Trong vòng 60 ngày kể từ ngày được thành lập, Ban Hội thẩm phải trình lên SEOM báo cáo bằng văn bản về các kết luận và khuyến nghị của mình. Trong các trường hợp đặc biệt, Ban Hội thẩm có thể được gia hạn việc trình các kết luận và khuyến nghị lên SEOM thêm mười (10) ngày.
3. Trước khi trình các kết luận và khuyến nghị lên SEOM, Ban Hội thẩm sẽ tạo điều kiện hợp lý để các bên tranh chấp xem xét báo cáo.
4. Ban Hội thẩm có quyền tìm kiếm thông tin và trợ giúp kỹ thuật từ bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào mà Ban Hội thẩm cho là phù hợp. Nước thành viên phải trả lời đầy đủ và kịp thời mọi yêu cầu của Ban Hội thẩm về các thông tin mà Ban Hội thẩm xác định là cần thiết và thích hợp.
5. Quá trình xem xét của Ban Hội thẩm phải được giữ bí mật. Báo cáo của Ban Hội thẩm phải được soạn thảo không có sự hiện diện của các bên tranh chấp trên cơ sở các thông tin đã được cung cấp và các ý kiến được đưa ra.

Điều 9

Thông qua báo cáo của Ban Hội thẩm

1. Báo cáo của Ban Hội thẩm sẽ được SEOM thông qua trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Ban Hội thẩm trình báo cáo, trừ khi một bên tranh chấp chính thức thông báo cho SEOM về quyết định kháng cáo của mình hoặc SEOM đồng thuận quyết định không thông qua báo cáo. Nếu một bên đã thông báo quyết định kháng cáo, báo cáo của Ban Hội thẩm sẽ không được SEOM xem xét để thông qua cho tới khi kết thúc kháng cáo. Đại diện SEOM từ nước thành viên là các bên trong tranh chấp có thể có mặt trong phiên họp thảo luận của SEOM.
2. Trong trường hợp trong khoảng thời gian ba mươi (30) ngày quy định tại Khoản 1 Điều này không có cuộc họp nào của SEOM được lên kế hoạch hay dự kiến được tổ chức để có thể xem xét thông qua hay quyết định không thông qua báo cáo của Ban Hội thẩm, việc thông qua báo cáo sẽ được thực hiện bằng cách gửi văn bản lấy ý kiến tất cả các nước thành viên. Việc không trả lời sẽ được coi là sự chấp thuận các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Ban Hội thẩm. Việc thông qua hay không thông qua báo cáo của Ban Hội thẩm sẽ hoàn thành trong khoảng thời gian ba mươi (30) ngày quy định tại Khoản 1 Điều này kể cả khi được thực hiện bằng cách gửi văn bản lấy ý kiến tất cả các nước thành viên.

Điều 10

Thủ tục đối với khiếu kiện nhiều bên

1. Trường hợp có nhiều hơn một nước thành viên yêu cầu thành lập Ban Hội thẩm để xem xét cùng một tranh chấp, nếu có thể, sẽ chỉ có một Ban Hội thẩm được thành lập để xem xét tất cả các khiếu nại này với sự cân nhắc đầy đủ về quyền lợi của tất cả các nước thành viên có liên quan. Trong mọi trường hợp có thể chỉ thành lập một Ban Hội thẩm, sẽ chỉ có một Ban Hội thẩm được thành lập để xem xét các khiếu nại nhiều bên như vậy.
2. Ban Hội thẩm sẽ tiến hành việc điều tra và báo cáo các kết luận và khuyến nghị của mình lên SEOM theo cách sao cho hoàn toàn không gây tổn hại tới các quyền mà các bên tranh chấp đáng lẽ được hưởng nếu khiếu nại được xem xét bởi các Ban Hội thẩm riêng biệt. Nếu một trong các bên tranh chấp yêu cầu có báo cáo riêng thì Ban Hội thẩm sẽ có báo cáo riêng cho vụ tranh chấp đó. Bản đệ trình của từng bên khiếu nại sẽ được cung cấp cho các bên khiếu nại khác và các bên khiếu nại đều có quyền có mặt khi các bên khiếu nại khác trình bày quan điểm trước Ban Hội thẩm.
3. Nếu có nhiều hơn một Ban Hội thẩm được thành lập để xem xét các khiếu nại về cùng một vấn đề, trong chừng mực có thể, các Ban Hội thẩm riêng biệt này sẽ có cùng thành viên và khung thời gian để giải quyết các tranh chấp đó của các Ban Hội thẩm sẽ phải được tính toán cho phù hợp.

Điều 11 **Bên thứ ba**

1. Quyền lợi của các bên tranh chấp và của các nước thành viên khác theo hiệp định liên quan được xem xét trong vụ tranh chấp đó sẽ được xem xét đầy đủ trong quá trình giải quyết của Ban Hội thẩm.
2. Bất kỳ nước thành viên nào có quyền lợi đáng kể trong một vấn đề được Ban Hội thẩm xem xét và đã thông báo về quyền lợi của mình cho SEOM (dưới đây gọi là “Bên thứ ba”) sẽ có cơ hội được điều trần trước Ban Hội thẩm và được gửi văn bản giải trình cho Ban Hội thẩm. Bản giải trình này cũng sẽ được gửi cho các bên tranh chấp và được phản ánh trong báo cáo của Ban Hội thẩm.
3. Bên thứ ba sẽ được nhận bản giải trình của các bên tranh chấp tại cuộc họp chính thức đầu tiên của Ban Hội thẩm.
4. Nếu một bên thứ ba cho rằng một biện pháp là đối tượng điều tra của Ban Hội thẩm đã làm mất mát hoặc gây tổn hại cho quyền lợi mà bên đó được hưởng theo các hiệp định liên quan, nước thành viên đó có thể sử dụng trình tự giải quyết tranh chấp thông thường quy định tại Nghị định thư này. Các tranh chấp như vậy sẽ được xem xét bởi Ban Hội thẩm ban đầu nếu có thể.

Điều 12 **Phúc thẩm**

1. Cơ quan Phúc thẩm sẽ được Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN (AEM) thành lập. Cơ quan Phúc thẩm sẽ giải quyết các kháng cáo đối với các tranh chấp mà Ban Hội thẩm đã xem xét. Cơ quan Phúc thẩm sẽ gồm bảy (7) người, mỗi vụ việc sẽ do ba (3) người trong số đó giải quyết. Các thành viên của Cơ quan Phúc thẩm sẽ tham gia giải quyết các vụ việc theo cơ chế luân phiên. Cơ chế luân phiên sẽ được xác định trong quy chế làm việc của Cơ quan Phúc thẩm.
2. Các thành viên của Cơ quan Phúc thẩm sẽ do AEM bổ nhiệm với nhiệm kỳ bốn năm, mỗi thành viên có thể được bổ nhiệm lại một lần. Người được bổ nhiệm thay thế một thành viên của Cơ quan Phúc thẩm trước khi thành viên đó kết thúc nhiệm kỳ sẽ làm việc trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ của người tiền nhiệm.
3. Thành viên của Cơ quan Phúc thẩm, không phân biệt quốc tịch, là những người có năng lực được thừa nhận, có kiến thức chuyên môn về luật thương mại quốc tế và về các vấn đề của các hiệp định liên quan. Các thành viên của Cơ quan Phúc thẩm không trực thuộc bất kỳ chính phủ nào. Tất cả các thành viên của Cơ quan Phúc thẩm sẽ có mặt thường xuyên theo thông báo, và sẽ thường xuyên cập nhật các hoạt động giải quyết tranh chấp và các hoạt động có liên quan khác của ASEAN. Các thành viên này sẽ không tham gia xem xét các tranh chấp có thể gây ra sự xung đột về quyền lợi một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.
4. Chỉ có các bên của tranh chấp, không phải bên thứ ba, mới có quyền kháng cáo đối với báo cáo của Ban Hội thẩm. Bên thứ ba đã thông báo cho SEOM về quyền lợi đáng kể đối với vấn đề đang tranh chấp theo quy định tại đoạn 2, Điều 11 có thể gửi tài liệu giải trình và có cơ hội được điều trần trước Cơ quan Phúc thẩm.
5. Thời gian giải quyết kháng cáo của Cơ quan Phúc thẩm sẽ không vượt quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày các bên tranh chấp thông báo chính thức về quyết định kháng cáo đến ngày Cơ quan Phúc thẩm trình báo cáo. Trong khi xây dựng khung thời gian hoạt động, Cơ quan Phúc thẩm phải tính đến các quy định tại Đoạn 5 của Điều 3. Trường hợp Cơ quan Phúc thẩm thấy không thể trình báo cáo trong vòng 60 ngày, Cơ quan Phúc thẩm phải thông báo bằng văn bản cho SEOM về lý do của việc chậm trễ cùng dự kiến thời hạn sẽ trình báo cáo. Trong mọi trường hợp, thời hạn giải quyết kháng cáo không được vượt quá 90 ngày.
6. Nội dung kháng cáo sẽ chỉ giới hạn ở các vấn đề luật pháp trong báo cáo của Ban Hội thẩm và các giải thích pháp lý của Ban Hội thẩm.
7. Cơ quan Phúc thẩm sẽ được sự hỗ trợ cần thiết về luật pháp và hành chính theo yêu cầu.
8. Quy chế hoạt động của Cơ quan Phúc thẩm sẽ do SEOM soạn thảo. Cơ quan phúc thẩm sẽ tiến hành sửa đổi Quy chế hoạt động này khi cần thiết với sự tham gia ý kiến của SEOM và Tổng Thư ký ASEAN và thông báo các sửa đổi đó tới các Nước thành viên.
9. Trình tự giải quyết phúc thẩm của Cơ quan Phúc thẩm phải được giữ bí mật. Báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm phải được soạn thảo mà không có

sự hiện diện của các bên tranh chấp trên cơ sở các thông tin được cung cấp và các ý kiến được đưa ra.

10. Các quan điểm của các thành viên Cơ quan Phúc thẩm thể hiện trong báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm phải được giấu tên.
11. Trong quá trình tiến hành phúc thẩm, Cơ quan Phúc thẩm sẽ xem xét và giải quyết từng vấn đề được nêu lên phù hợp với quy định tại đoạn 6 Điều này.
12. Cơ quan Phúc thẩm có thể giữ nguyên, sửa đổi hoặc bác bỏ các kết luận và khuyến nghị của Ban Hội thẩm.
13. Báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm phải được SEOM thông qua và được các bên trong tranh chấp chấp nhận không điều kiện, trừ phi SEOM đồng thuận quyết định không thông qua báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm trong vòng 30 ngày kể từ ngày báo cáo được gửi đến các nước thành viên. Trong trường hợp trong thời hạn 30 ngày nói trên không có cuộc họp của SEOM được lên kế hoạch hoặc dự kiến tổ chức để có thể quyết định thông qua hoặc không thông qua báo cáo, việc thông qua phải được thực hiện bằng cách gửi văn bản lấy ý kiến tất cả các nước thành viên. Việc không trả lời văn bản lấy ý kiến trong thời hạn 30 ngày nói trên được coi là sự chấp nhận báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm. Quy trình thông qua này không hạn chế quyền của các nước thành viên được thể hiện quan điểm của mình về báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm. Việc thông qua báo cáo phải được hoàn thành trong thời hạn 30 ngày, dù tại cuộc họp SEOM hay bằng cách gửi văn bản lấy ý kiến các nước thành viên.

Điều 13

Liên hệ với Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm

1. Không được phép có sự liên hệ riêng với Ban Hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm liên quan đến các vấn đề đang được Ban Hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm xem xét.
2. Văn bản giải trình cho Ban Hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm phải được giữ bí mật, nhưng sẽ được cung cấp cho các bên tranh chấp. Quy định trong Nghị định thư này không ngăn cản việc một bên tranh chấp công bố các quan điểm của bên đó cho công chúng. Các nước thành viên phải giữ bí mật những thông tin của một nước thành viên khác gửi lên Ban Hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm mà nước thành viên đó xác định là bí mật. Nếu một nước thành viên có yêu cầu, các bên tranh chấp sẽ phải cung cấp bản tóm tắt có thể công khai của các thông tin cung cấp trong nội dung giải trình của mình để có thể công bố công khai.

Điều 14

Khuyến nghị của Ban Hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm

1. Trong trường hợp Ban Hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm kết luận rằng biện pháp do một nước thành viên áp dụng mâu thuẫn với hiệp định liên quan, Ban Hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm sẽ khuyến nghị nước thành viên đó sửa đổi biện pháp đó để đảm bảo phù hợp với hiệp định. Bên cạnh các khuyến nghị, Ban Hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm có thể đề xuất các cách thức để nước thành viên liên quan thực hiện các khuyến nghị đó.
2. Trong các kết luận và khuyến nghị của mình, Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm không được thêm hoặc bớt các quyền lợi và nghĩa vụ được quy định trong các hiệp định liên quan.
3. Trong các kết luận và khuyến nghị của mình, Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm cũng sẽ xác định chi phí phải chịu của các bên tranh chấp, kể cả bên thứ ba, để bổ sung vào Quỹ Giải quyết tranh chấp ASEAN. Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm sẽ tiến hành phân bổ chi phí theo cách thức phù hợp với từng tranh chấp cụ thể.

Điều 15

Giám sát việc thực hiện kết luận và khuyến nghị

1. Do việc tuân thủ ngay lập tức các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm đã được SEOM thông qua có vai trò cốt yếu để đảm bảo giải quyết tranh chấp một cách hiệu quả, bên bị yêu cầu thực hiện phải tuân thủ các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Ban Hội thẩm đã được SEOM thông qua trong vòng 60 ngày kể từ ngày SEOM thông qua báo cáo, hoặc trong trường hợp kháng cáo, trong vòng 60 ngày kể từ ngày SEOM thông qua báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm, trừ phi các bên trong tranh chấp đồng ý kéo dài thời gian thực hiện khuyến nghị.
2. Khi một bên trong tranh chấp yêu cầu kéo dài thời gian thực hiện khuyến nghị, bên kia phải tính đến tình hình thực tế của từng vụ việc cụ thể và có sự xem xét thỏa đáng đối với tính phức tạp của các hành động cần thực hiện để tuân thủ các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm đã được SEOM thông qua. Yêu cầu kéo dài thời gian thực hiện khuyến nghị sẽ không bị từ chối nếu không có lý do hợp lý. Trong trường hợp cần thông qua các quy định pháp lý trong nước để tuân thủ các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm, các nước sẽ cho phép kéo dài thời gian thực hiện khuyến nghị phù hợp với mục đích này.
3. Các bên phải đạt được quyết định về việc kéo dài thời hạn thực hiện khuyến nghị trong vòng mười bốn (14) ngày kể từ ngày SEOM thông qua các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Ban Hội thẩm, hoặc trong trường hợp kháng cáo, trong vòng 14 ngày kể từ ngày SEOM thông qua các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Cơ quan Phúc thẩm.
4. Bên phải tuân thủ các kết luận và khuyến nghị phải nộp cho SEOM báo cáo bằng văn bản về tình hình thực hiện các kết luận và khuyến nghị trong

- báo cáo của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm đã được SEOM thông qua.
5. Trong trường hợp có sự bất đồng ý kiến về sự tồn tại hoặc tính phù hợp với hiệp định liên quan của các biện pháp được thực hiện nhằm tuân thủ các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm đã được SEOM thông qua, những tranh chấp này sẽ được giải quyết theo thủ tục giải quyết tranh chấp quy định tại Nghị định thư, kể các việc sử dụng Ban Hội thẩm ban đầu trong mọi trường hợp có thể. Ban Hội thẩm sẽ trình báo cáo trong vòng 60 ngày kể từ ngày tranh chấp được chuyển tới Ban Hội thẩm. Trường hợp Ban Hội thẩm không thể đưa ra báo cáo trong thời hạn trên, Ban Hội thẩm sẽ thông báo bằng văn bản cho SEOM về lý do của sự chậm trễ và dự kiến thời hạn trình báo cáo. Trong mọi trường hợp, quá trình xem xét và trình báo cáo không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày tranh chấp được chuyển tới Ban Hội thẩm.
 6. SEOM sẽ giám sát việc thực hiện các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm đã được SEOM thông qua. Những vấn đề liên quan tới việc thực hiện các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm đã được SEOM thông qua có thể được bất kỳ nước thành viên nào đưa ra thảo luận tại SEOM tại bất kỳ thời điểm nào kể từ khi thông qua báo cáo. Trừ trường hợp SEOM có quyết định khác, những vấn đề liên quan đến việc thực hiện các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm đã được SEOM thông qua sẽ được đưa vào chương trình nghị sự của SEOM và nằm trong chương trình nghị sự cho tới khi vấn đề đó được giải quyết. Ít nhất 10 ngày trước mỗi cuộc họp SEOM, các nước thành viên có liên quan phải gửi cho SEOM báo cáo bằng văn bản về tình hình thực hiện các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm đã được SEOM thông qua.

Điều 16

Đền bù và tạm ngừng ưu đãi

1. Đền bù và tạm ngừng ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác là những biện pháp tạm thời được áp dụng nếu các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm đã được SEOM thông qua không được thi hành trong vòng sáu mươi (60) ngày hoặc trong thời hạn được các bên tranh chấp nhất trí theo quy định tại Điều 15. Tuy nhiên, cả đền bù lẫn tạm ngừng ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác không được ưu tiên áp dụng so với việc thi hành đầy đủ khuyến nghị sửa đổi biện pháp vi phạm nhằm tuân thủ hiệp định liên quan. Đền bù là tự nguyện và nếu được áp dụng phải phù hợp với các hiệp định liên quan.
2. Nếu nước thành viên có liên quan không sửa đổi biện pháp vi phạm để tuân thủ hiệp định liên quan hay phù hợp với các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm đã được SEOM

thông qua trong thời hạn 60 ngày hoặc thời hạn được các bên tranh chấp nhất trí theo quy định tại Điều 15, nước thành viên đó phải không chậm trễ tiến hành thương lượng với bên đã đưa tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế này nếu bên đó có yêu cầu ngay khi kết thúc thời hạn 60 ngày hoặc thời hạn được các bên tranh chấp nhất trí theo quy định tại Điều 15, nhằm thỏa thuận mức đền bù thỏa đáng cho cả hai bên. Nếu các bên không đạt được thỏa thuận đền bù trong vòng 20 ngày kể từ khi kết thúc thời hạn 60 ngày hay thời hạn được các bên tranh chấp nhất trí theo quy định tại Điều 15, bên đã đưa tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế này có thể đề nghị SEOM cho phép tạm ngừng những ưu đãi hoặc nghĩa vụ khác đối với nước thành viên liên quan theo quy định của hiệp định liên quan.

3. Để xác định những ưu đãi và nghĩa vụ khác sẽ bị tạm ngừng, bên khởi kiện sẽ áp dụng những nguyên tắc và trình tự sau:
 - (a) Nguyên tắc chung là bên khởi kiện trước tiên sẽ xem xét tạm ngừng ưu đãi và những nghĩa vụ khác trong cùng lĩnh vực mà Ban Hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm xác định có vi phạm hoặc sự mất mát hoặc tổn hại quyền lợi khác;
 - (b) Nếu bên khởi kiện cho rằng việc tạm ngừng ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác trong cùng một lĩnh vực là không hiệu quả hoặc không thực tế, bên đó có thể xem xét tạm ngừng các ưu đãi hoặc nghĩa vụ khác trong các lĩnh vực khác của cùng một hiệp định;
 - (c) Nếu bên khởi kiện cho rằng việc tạm ngừng ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác trong các lĩnh vực khác của cùng một hiệp định là không thực tế và không hiệu quả, và nếu tình hình thực sự nghiêm trọng, bên đó có thể xem xét tạm ngừng các ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác theo các hiệp định liên quan khác;
 - (d) Trong khi áp dụng các nguyên tắc trên, bên khởi kiện phải xem xét:
 - (i) hoạt động thương mại trong lĩnh vực hoặc theo hiệp định mà Ban Hội thẩm hoặc Cơ quan Phúc thẩm xác định là có sự vi phạm hoặc sự mất mát hoặc tổn hại quyền lợi, và tầm quan trọng của hoạt động thương mại đó đối với bên khởi kiện;
 - (ii) Các yếu tố kinh tế trên phạm vi rộng liên quan đến sự mất mát hoặc tổn hại quyền lợi và các hậu quả kinh tế trên phạm vi rộng của việc tạm ngừng ưu đãi hoặc những nghĩa vụ khác;
 - (e) Theo quy định của khoản này, “lĩnh vực” có nghĩa là:
 - (i) Đối với hàng hóa: tất cả hàng hóa
 - (ii) Đối với dịch vụ: một lĩnh vực chính được xác định trong lộ trình cam kết hiện nay của Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS).
 - (f) Theo quy định của khoản này, “hiệp định” có nghĩa là:
 - (i) đối với hàng hóa: các hiệp định liên quan đến hàng hóa được liệt kê tại Phụ lục I của Nghị định thư này;
 - (ii) đối với dịch vụ: Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ và các Nghị định thư kèm theo;

(iii) Các hiệp định liên quan khác theo quy định tại Điều 1 của Nghị định thư này.

4. SEOM sẽ cho phép tạm ngừng ưu đãi hoặc các nghĩa vụ khác ở mức tương đương với mức độ quyền lợi bị mất mát hoặc tổn hại.
5. SEOM sẽ không cho phép tạm ngừng các ưu đãi hoặc nghĩa vụ khác nếu hiệp định có liên quan cấm việc tạm ngừng các ưu đãi hoặc nghĩa vụ khác như vậy.
6. Khi tình huống nêu tại Khoản 2 Điều này xảy ra, trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ khi kết thúc thời hạn sáu mươi (60) ngày hoặc thời hạn được các bên tranh chấp nhất trí theo quy định tại Điều 15, theo yêu cầu của các bên, SEOM sẽ quyết định cho phép tạm ngừng các ưu đãi hoặc nghĩa vụ khác, trừ khi SEOM đồng thuận quyết định từ chối yêu cầu đó. Trường hợp không có cuộc họp nào của SEOM được lên kế hoạch hay dự kiến được tổ chức để có thể cho phép tạm ngừng các ưu đãi hoặc nghĩa vụ khác trong vòng ba mươi (30) ngày nói trên, việc cho phép tạm ngừng các ưu đãi hoặc nghĩa vụ khác sẽ được thực hiện bằng cách gửi văn bản lấy ý kiến tất cả các nước thành viên. Việc không trả lời trong thời hạn ba mươi (30) ngày nói trên sẽ được coi là sự đồng ý cho phép tạm ngừng các ưu đãi hoặc nghĩa vụ khác. Việc cho phép tạm ngừng các ưu đãi hoặc nghĩa vụ khác sẽ được hoàn thành trong thời hạn ba mươi (30) ngày nói trên, dù được giải quyết tại cuộc họp SEOM hay bằng cách gửi văn bản lấy ý kiến tất cả các nước thành viên.
7. Tuy nhiên, nếu nước thành viên liên quan phản đối mức độ tạm ngừng ưu đãi được đề nghị, hoặc khiếu nại về việc các nguyên tắc và thủ tục nêu tại khoản 3 Điều này không được tuân thủ khi bên khiếu nại yêu cầu cho phép tạm ngừng các ưu đãi hoặc nghĩa vụ khác theo khoản 3(b) hoặc (c), vấn đề sẽ được giải quyết bằng trọng tài. Việc giải quyết bằng trọng tài như vậy sẽ được thực hiện bởi Ban Hội thẩm ban đầu, nếu các thành viên có thể tham gia được, hoặc bằng một trọng tài viên do Tổng Thư ký ASEAN chỉ định và phải được hoàn thành trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ khi kết thúc thời hạn sáu mươi (60) ngày hoặc thời hạn được các bên tranh chấp nhất trí theo quy định tại Điều 15. Không được phép tạm ngừng các ưu đãi hoặc nghĩa vụ khác trong thời gian giải quyết bằng trọng tài.
8. Trọng tài viên giải quyết vụ việc theo quy định tại khoản 7 Điều này sẽ không xem xét tính chất của các ưu đãi hoặc nghĩa vụ khác sẽ bị tạm ngừng mà sẽ xác định liệu mức độ tạm ngừng đó có tương đương với mức độ quyền lợi bị mất mát hoặc tổn hại hay không. Trọng tài cũng có thể xác định việc đề xuất tạm ngừng các ưu đãi hoặc nghĩa vụ khác có được hiệp định liên quan cho phép hay không. Tuy nhiên, nếu vấn đề được đưa ra trọng tài bao gồm cả khiếu nại về việc các nguyên tắc và thủ tục quy định tại khoản 3 Điều này chưa được tuân thủ, trọng tài sẽ phải xem xét cả khiếu nại đó. Trường hợp trọng tài quyết định rằng các nguyên tắc và thủ tục đó chưa được tuân thủ, bên khiếu nại sẽ phải áp dụng các nguyên tắc và thủ tục đó phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều này. Các bên tranh

chấp phải chấp nhận quyết định của trọng tài viên là chung thẩm và không được yêu cầu trọng tài khác giải quyết lại vấn đề. SEOM sẽ phải được thông báo kịp thời về quyết định của trọng tài, và trên cơ sở yêu cầu, sẽ cho phép tạm ngừng các ưu đãi hoặc nghĩa vụ khác nếu yêu cầu đó phù hợp với quyết định của trọng tài, trừ khi SEOM đồng thuận quyết định từ chối yêu cầu đó.

9. Việc tạm ngừng các ưu đãi và nghĩa vụ khác là tạm thời và chỉ được áp dụng cho tới khi hành động bị kết luận là không phù hợp với hiệp định liên quan được loại bỏ, hoặc nước thành viên phải thi hành các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm đã được SEOM thông qua đưa ra giải pháp đền bù cho việc gây mất mát hoặc tổn hại quyền lợi của bên kia, hoặc các bên thỏa thuận được một giải pháp thỏa đáng. Phù hợp với khoản 6 Điều 15, SEOM sẽ theo dõi việc thực thi các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm đã được SEOM thông qua, kể cả các vụ việc đã áp dụng đền bù hay đã có sự tạm ngừng các ưu đãi hoặc nghĩa vụ khác những khuyến nghị về việc sửa đổi biện pháp vi phạm để tuân thủ với hiệp định liên quan vẫn chưa được thực hiện.
10. Các quy định về giải quyết tranh chấp trong các hiệp định liên quan có thể được viện dẫn đối với biện pháp mà chính quyền hoặc cơ quan có thẩm quyền ở các vùng hoặc các địa phương trong lãnh thổ một nước thành viên thực hiện có ảnh hưởng đến việc tuân thủ hiệp định đó. Khi SEOM xác định rằng các quy định trong hiệp định liên quan chưa được tuân thủ, nước thành viên có liên quan có trách nhiệm áp dụng các biện pháp hợp lý mà nước đó có thể thực hiện được để tuân thủ với hiệp định đó. Các quy định về đền bù và tạm ngừng các ưu đãi hoặc nghĩa vụ khác trong các hiệp định liên quan và Nghị định thư này sẽ được áp dụng đối với các trường hợp không thể đảm bảo được việc tuân thủ như vậy.

Điều 17

Quỹ Giải quyết tranh chấp ASEAN

1. Vì các mục đích của Nghị định thư này, Quỹ Giải quyết tranh chấp ASEAN (dưới đây gọi tắt là “Quỹ”) sẽ được thành lập. Quỹ sẽ mang tính tuần hoàn, độc lập với Quỹ thường niên của Ban Thư ký ASEAN. Số tiền ban đầu của Quỹ sẽ được các nước thành viên đóng góp với mức bằng nhau. Mọi khoản chi từ Quỹ sẽ được các bên tranh chấp bù lại theo quy định tại khoản 3 Điều 14. Ban Thư ký ASEAN sẽ chịu trách nhiệm quản lý Quỹ.
2. Quỹ sẽ được sử dụng cho các chi phí của Ban Hội thẩm, Cơ quan Phúc thẩm và các chi phí hành chính có liên quan của Ban Thư ký ASEAN. Mọi chi phí khác của các bên tranh chấp, kể cả chi phí cho đại diện pháp lý của các bên, sẽ do các bên tự chi trả.

3. Sinh hoạt phí và các chi phí khác của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm phải phù hợp với tiêu chí được AEM thông qua trên cơ sở đề xuất của Ủy ban Ngân sách ASEAN.

Điều 18

Khung thời gian tối đa

Tổng thời gian giải quyết tranh chấp theo Nghị định thư này cho đến thời điểm quy định tại khoản 7 Điều 16 không vượt quá 445 ngày, trừ khi việc kéo dài thời hạn thực hiện kết luận và khuyến nghị theo Điều 15 được áp dụng.

Điều 19

Trách nhiệm của Ban Thư ký

1. Ban Thư ký ASEAN có trách nhiệm trợ giúp Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm, đặc biệt là về các yếu tố pháp lý, lịch sử và thủ tục của các vấn đề được giải quyết, đồng thời hỗ trợ về mặt thư ký và kỹ thuật.
2. Ban Thư ký ASEAN sẽ hỗ trợ SEOM trong việc giám sát và theo dõi việc thực hiện các kết luận và khuyến nghị trong báo cáo của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm đã được SEOM thông qua.
3. Ban Thư ký ASEAN sẽ là đầu mối tiếp nhận tất cả các tài liệu có liên quan đến tranh chấp và xử lý các tài liệu này một cách thích hợp.
4. Ban Thư ký ASEAN, trên cơ sở tham vấn với SEOM, sẽ cập nhật danh mục các hiệp định có liên quan quy định tại Phụ lục I khi cần thiết. Ban Thư ký sẽ thông báo cho các nước thành viên về các thay đổi đó.

Điều 20

Địa điểm giải quyết tranh chấp

1. Địa điểm tiến hành các thủ tục giải quyết tranh chấp của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm là Ban Thư ký ASEAN.
2. Mặc dù có quy định tại khoản 1 Điều này, các thủ tục của Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm, trừ các cuộc họp chính thức, có thể được tổ chức tại địa điểm mà Ban Hội thẩm và Cơ quan Phúc thẩm cho là thích hợp, với sự tham khảo ý kiến của các bên trong tranh chấp và có tính đến sự phù hợp và hiệu quả về chi phí của địa điểm đó.

Điều 21

Quy định cuối cùng

1. Nghị định thư này sẽ có hiệu lực vào ngày ký.
2. Nghị định thư này thay thế Nghị định thư năm 1996 về Cơ chế giải quyết tranh chấp và sẽ không áp dụng cho các tranh chấp phát sinh trước khi

Nghị định thư này có hiệu lực. Các tranh chấp đó sẽ tiếp tục được điều chỉnh bởi Nghị định thư năm 1996 về Cơ chế giải quyết tranh chấp.

3. Các quy định của Nghị định thư này có thể được điều chỉnh thông qua các sửa đổi được tất cả các nước thành viên nhất trí bằng văn bản.
4. Nghị định thư này sẽ do Tổng thư ký ASEAN lưu trữ. Tổng thư ký ASEAN sẽ gửi một bản sao có chứng thực cho từng Nước thành viên ASEAN.

TRƯỚC SỰ CHỨNG KIẾN, những người ký tên dưới đây, được sự ủy quyền đầy đủ của Chính phủ nước mình, đã ký Nghị định thư ASEAN về Tăng cường Cơ chế giải quyết tranh chấp.

ĐƯỢC KÝ tại Vientiane, Lào vào ngày 29 tháng 11 năm 2004 với 1 bản gốc bằng tiếng Anh.

PHỤ LỤC I

CÁC HIỆP ĐỊNH LIÊN QUAN

1. Hiệp định về thỏa thuận ưu đãi thương mại ASEAN, Manila, 24/2/1977
2. Hiệp định về bảo vệ an ninh lương thực ASEAN, New York, 04/10/1979
3. Hiệp định cơ bản về các dự án công nghiệp ASEAN, Kuala Lumpur, 06/3/1980
4. Hiệp định bổ sung Hiệp định cơ bản về các dự án công nghiệp ASEAN- Dự án Urê ASEAN (Indonesia), Kuala Lumpur, 06/3/1980.
5. Hiệp định cơ bản về Liên doanh công nghiệp ASEAN, Jakarta, 07/11/1983.
6. Hiệp định về Hợp tác năng lượng ASEAN, Manila, 24/6/1986
7. Hiệp định về An ninh xăng dầu ASEAN, Manila, 24/6/1986.
8. Hiệp định về ưu đãi sơ tuyển nhà thầu ASEAN, Jakarta, 20/10/1986.
9. Hiệp định bổ sung Hiệp định cơ bản về Liên doanh công nghiệp ASEAN, Singapore, 16/6/1987.
10. Nghị định thư về cải tiến các gia hạn ưu đãi thuế quan theo Thỏa thuận Thương mại ưu đãi ASEAN, Manila, 15/12/1987.
11. Hiệp định cơ bản sửa đổi về Liên doanh công nghiệp ASEAN, Manila, 15/12/1987.
12. Hiệp định giữa các chính phủ Brunei Darussalam, Cộng hòa Indonesia, Malaysia, Cộng hòa Philippines, Cộng hòa Singapore và Vương quốc Thái Lan về khuyến khích và bảo hộ đầu tư, Manila, 15/12/1987.
13. Nghị định thư sửa đổi Hiệp định cơ bản sửa đổi về Liên doanh công nghiệp ASEAN, 01/01/1991.
14. Hiệp định khung về Tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN, Singapore, 28/01/1992.
15. Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung cho Khu vực mậu dịch tự do ASEAN, Singapore, 28/01/1992.
16. Nghị định thư thứ 2 để sửa đổi Hiệp định cơ bản sửa đổi về Liên doanh công nghiệp ASEAN, Manila, 23/10/1992.
17. Nghị định thư thứ 3 để sửa đổi Hiệp định cơ bản sửa đổi về Liên doanh công nghiệp ASEAN, 02/3/1995.
18. Nghị định thư sửa đổi Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung cho Khu vực mậu dịch tự do ASEAN, Bangkok, 15/12/1995.
19. Nghị định thư sửa đổi Hiệp định về thỏa thuận thương mại ưu đãi ASEAN, Bangkok, 15/12/1995.
20. Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ, Bangkok, 15/12/1995.
21. Hiệp định khung ASEAN về Hợp tác về quyền sở hữu trí tuệ ASEAN, Bangkok 15/12/1995.
22. Nghị định thư sửa đổi Hiệp định về hợp tác năng lượng ASEAN, Bangkok, 15/12/1995.
23. Hiệp định cơ bản về Hợp tác công nghiệp ASEAN, Singapore, 16/4/1996.

24. Nghị định thư sửa đổi Hiệp định giữa các chính phủ Brunei Darussalam, Cộng hòa Indonesia, Malaysia, Cộng hòa Philippines, Cộng hòa Singapore và Vương quốc Thái Lan về khuyến khích và bảo hộ đầu tư, Jakarta, 12/9/1996.
25. Hiệp định ASEAN về Hải quan, Phuket, Thailan, 01/3/1997.
26. Nghị định tư sửa đổi Hiệp định về Hợp tác năng lượng ASEAN, Kuala Lumpur, Malaysia, 23/7/1997.
27. Nghị định thư thứ 2 để sửa đổi Hiệp định về bảo vệ an ninh lương thực ASEAN, Subang Jaya, Malaysia, 23/7/1997.
28. Nghị định thư thực hiện gói thỏa thuận đầu tiên theo Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ, Kuala Lumpur, Malaysia, 15/12/1997.
29. Hiệp định về thành lập Trung tâm năng lượng ASEAN, Manila, Philipines, 22/5/1998.
30. Nghị định thư về Thủ tục thông báo, Makati, Philippines, 07/10/1998.
31. Hiệp định khung về khu vực đầu tư ASEAN, Makati, Philippines, 7/10/1998.
32. Hiệp định khung ASEAN về Thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRA), Hà Nội, Việt Nam, 16/2/1998.
33. Nghị định thư thực hiện gói thỏa thuận thứ hai theo Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ, Hà Nội, Việt Nam, 16/12/1998.
34. Hiệp định khung ASEAN về tạo thuận lợi cho hàng hóa quá cảnh, Hà Nội, Việt Nam 16/12/1998.
35. Nghị định thư về thỏa thuận đặc biệt cho hàng hóa nhạy cảm và đặc biệt nhạy cảm, Singapore, 30/9/1999.
36. Nghị định thư về thực hiện danh mục loại trừ tạm thời trong Chương trình CEPT, Singapore, 23/11/2000.
37. Hiệp định khung về E-ASEAN, Singapore, 24/11/2000.
38. Nghị định thư số 5: Chương trình bảo hiểm bắt buộc ASEAN đối với phương tiện gắn máy, Kuala Lumpur, Malaysia, 08/4/2001.
39. Nghị định thư sửa đổi Hiệp định khung về khu vực đầu tư ASEAN, Hà nội, Việt Nam, 14/9/2001.
40. Nghị định thư thực hiện gói cam kết thứ 3 trong Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ, Hà Nội, Việt Nam, 31/12/2001.
41. Thỏa thuận công nhận lẫn nhau trong lĩnh vực thiết bị điện và điện tử, Bangkok, Thái Lan, 05/4/2002.
42. Nghị định thư thực hiện gói cam kết thứ hai về các dịch vụ tài chính trong Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ, Yangon, Myanmar, 06/4/2002.
43. Nghị định thư sửa đổi Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung cho Khu vực mậu dịch tự do ASEAN đối với việc loại trừ thuế nhập khẩu, 31/01/2003.
44. Nghị định thư điều chỉnh việc thực hiện Hệ thống thuật ngữ thuế quan thống nhất, Makati, Philippines, 07/8/2003.
45. Thỏa thuận về chương trình quản lý mỹ phẩm thống nhất, Phnom Penh, Campuchia, 02/9/2003.

46. Nghị định thư sửa đổi Nghị định thư điều chỉnh việc thực hiện hệ thống thuật ngữ thuế quan thống nhất, đảo Jeju, Hàn Quốc, 15/5/2004.

PHỤ LỤC II

THỦ TỤC LÀM VIỆC CỦA BAN HỘI THẨM

I. Thành phần Ban Hội thẩm

1. Ban Hội thẩm phải gồm những cá nhân thuộc các cơ quan chính phủ và/hoặc phi chính phủ có năng lực tốt, kể cả những người đã làm việc trong Ban Hội thẩm hoặc đưa vụ kiện ra Ban Hội thẩm, đã từng làm việc cho Ban Thư ký, giảng dạy hoặc xuất bản sách báo về luật hay chính sách thương mại quốc tế, hoặc đã từng là quan chức cao cấp về chính sách thương mại của một nước thành viên. Trong quá trình lựa chọn thành viên cho Ban Hội thẩm, công dân các nước thành viên ASEAN sẽ được ưu tiên lựa chọn.
2. Các thành viên Ban Hội thẩm cần phải được lựa chọn với mục đích bảo đảm sự độc lập của các thành viên, có kiến thức đa dạng và kinh nghiệm rộng.
3. Người mang quốc tịch của nước thành viên mà chính phủ là một trong các bên tranh chấp sẽ không tham gia Ban Hội thẩm liên quan đến vụ tranh chấp đó, trừ phi các bên tranh chấp có thỏa thuận khác.
4. Để hỗ trợ cho quá trình lựa chọn Ban Hội thẩm, Ban Thư ký phải duy trì danh sách các cá nhân thuộc các cơ quan chính phủ và phi chính phủ có những tiêu chuẩn đã nêu tại khoản 1, các thành viên của Ban Hội thẩm sẽ được lựa chọn từ danh sách này một cách thích hợp. Các nước thành viên có thể định kỳ giới thiệu tên của các cá nhân từ các cơ quan chính phủ hoặc phi chính phủ để đưa vào danh sách, với các thông tin liên quan đến kiến thức của các cá nhân đó về thương mại quốc tế, về những lĩnh vực hoặc nội dung của các hiệp định liên quan, tên của những người này sẽ được bổ sung vào danh sách sau khi có sự chấp thuận của SEOM. Đối với mỗi cá nhân trong danh sách, danh sách phải chỉ rõ phạm vi kinh nghiệm hay chuyên môn cụ thể của mỗi cá nhân trong lĩnh vực hoặc nội dung của các hiệp định có liên quan.
5. Ban Hội thẩm sẽ gồm 3 thành viên, trừ khi trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày thành lập Ban Hội thẩm, các bên tranh chấp chấp thuận Ban Hội thẩm gồm 5 thành viên. Các nước thành viên sẽ được thông báo kịp thời về thành phần Ban Hội thẩm.
6. Ban Thư ký sẽ đề cử các thành viên Ban Hội thẩm với các bên tranh chấp. Các bên tranh chấp không được phản đối các hội thẩm viên được đề cử trừ khi có những lý do bắt buộc.
7. Nếu trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày SEOM quyết định thành lập Ban Hội thẩm mà không có sự nhất trí về thành viên của Ban Hội thẩm, theo yêu cầu của bất kỳ bên nào, Tổng Thư ký ASEAN, sau khi tham khảo ý kiến SEOM, trong vòng mười (10) ngày phải xác định thành phần của Ban Hội thẩm bằng việc chỉ định các hội thẩm viên mà Tổng Thư ký ASEAN cho là phù hợp nhất, sau khi tham khảo ý kiến các bên tranh chấp và phù hợp với các quy tắc hoặc thủ tục đặc biệt hoặc bổ sung

có liên quan của hiệp định liên quan đang có tranh chấp. Ban Thư ký ASEAN phải thông báo cho các nước thành viên về thành phần Ban Hội thẩm được thành lập theo cách này.

8. Các nước thành viên cam kết cho phép các cán bộ của mình tham gia vào Ban Hội thẩm.
9. Thành viên Ban Hội thẩm phải làm việc với tư cách cá nhân và không phải là đại diện của chính phủ hay là đại diện của một tổ chức nào. Vì thế các nước thành viên không được đưa ra chỉ thị hay tìm cách gây ảnh hưởng đến họ với tư cách cá nhân về những vấn đề được đưa ra trước Ban Hội thẩm.

II. Thủ tục làm việc của Ban Hội thẩm

1. Trong quá trình tố tụng, Ban Hội thẩm phải tuân thủ những quy định có liên quan của Nghị định thư này. Ngoài ra, những thủ tục làm việc sau đây phải được áp dụng.
2. Ban Hội thẩm phải họp kín. Các bên tranh chấp và những bên quan tâm sẽ chỉ có mặt tại các cuộc họp khi được Ban Hội thẩm mời có mặt.
3. Việc nghị án của Ban Hội thẩm và những tài liệu được đệ trình phải được giữ bí mật. Không có phần nào trong Nghị định thư này ngăn cản việc một bên tranh chấp công bố công khai quan điểm của mình. Các nước thành viên phải giữ bí mật những thông tin của một nước thành viên khác gửi lên Ban Hội thẩm mà nước thành viên đó đã xác định là bí mật. Khi một bên tranh chấp gửi báo cáo mật lên Ban Hội thẩm, nếu một nước thành viên có yêu cầu, bên tranh chấp đó sẽ cung cấp bản tóm tắt các thông tin đã được cung cấp trong báo cáo đó để có thể công bố công khai.
4. Trước cuộc họp chính thức đầu tiên của Ban Hội thẩm với các bên, các bên tranh chấp sẽ gửi cho Ban Hội thẩm văn bản giải trình trong đó trình bày chi tiết của vụ việc và những lập luận của mình.
5. Tại cuộc họp chính thức đầu tiên với các bên, Ban Hội thẩm sẽ yêu cầu bên khởi kiện trình bày vụ việc. Tiếp sau đó, cũng tại cuộc họp này, bên bị kiện sẽ được yêu cầu trình bày quan điểm của mình.
6. Tất cả các bên thứ ba đã thông báo cho SEOM về quyền lợi của mình liên quan đến tranh chấp sẽ được mời trình bày quan điểm của mình trong một phiên họp của cuộc họp thứ nhất của Ban Hội thẩm được dành riêng cho bên thứ ba. Tất cả các bên thứ ba như vậy đều được phép có mặt trong toàn bộ phiên họp này.
7. Biện hộ chính thức sẽ được tiến hành tại cuộc họp chính thức thứ hai của Ban Hội thẩm. Bên bị kiện sẽ được quyền trình bày quan điểm của mình trước, tiếp sau đó là bên khởi kiện. Trước khi cuộc họp này diễn ra, các bên sẽ đệ trình lên Ban Hội thẩm nội dung biện hộ của mình bằng văn bản.
8. Ban Hội thẩm có quyền đặt câu hỏi cho các bên và yêu cầu các bên giải thích vào bất cứ lúc nào cả trong quá trình họp lẫn bằng văn bản.
9. Các bên tranh chấp và bất kỳ bên thứ ba nào được mời trình bày quan điểm của mình theo Điều 11 sẽ phải cung cấp cho Ban Hội thẩm toàn văn nội dung giải trình của mình bằng văn bản.

10. Các bên tranh chấp sẽ phải cung cấp cho Ban Hội thẩm toàn văn nội dung phát biểu của mình bằng văn bản.
11. Nhằm đảm bảo sự minh bạch tối đa, các nội dung giải trình, biện hộ và luận chứng nêu tại các khoản từ 5 đến 8 sẽ phải được trình bày với sự có mặt của các bên tranh chấp. Bên cạnh đó, các tài liệu được đệ trình của mỗi bên, kể cả các ý kiến về phần mô tả của báo cáo và câu trả lời đối với các câu hỏi của Ban Hội thẩm, sẽ phải được cung cấp cho bên hoặc các bên còn lại.
12. Mọi thủ tục bổ sung nào áp dụng cụ thể cho Ban Hội thẩm.